

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA LAO ĐỘNG NHẬP CƯ LÀM VIỆC TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TP.HCM

TS. Nguyễn Minh Hà¹

ThS. Nguyễn Quang Đại²

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá sự chuyển biến chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư làm việc tại các khu công nghiệp TP.HCM kể từ khi họ quyết định di cư. Đồng thời, đánh giá chất lượng cuộc sống hiện tại của lao động nhập cư trong quá trình hội nhập cuộc sống. Thông qua phỏng vấn trực tiếp 516 lao động nhập cư đã làm việc trên 2 năm tại các khu công nghiệp TP.HCM bằng bảng câu hỏi và sử dụng phương pháp thống kê – mô tả, và phân tích nhân tố khám phá (EFA), nghiên cứu cho thấy phần lớn người lao động đánh giá cuộc sống họ trở nên tốt hơn sau khi di cư, tuy nhiên trong hai năm gần đây tình hình không có gì thay đổi, thậm chí một số vấn đề còn trở nên xấu đi. Kết quả nghiên cứu này bổ sung thêm bức tranh về cuộc sống của người lao động nhập cư, và gợi ý một số giải pháp cấp bách cho những khó khăn hiện tại của người lao động nhập cư nhằm từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống.

Từ khóa: chất lượng cuộc sống, lao động nhập cư, khu công nghiệp, TP.HCM.

ABSTRACT

This study aims to evaluate the change in life quality of migrant workers who are working at industrial parks in Hochiminh City at present and from the migration time to now. Through interviewing directly 516 migrant workers who experience more than 2 years at industrial parks in HoChiMinh city, and using method of descriptive statistics and Explanatory Factor Analysis (EFA), the study finds out that the migrant workers evaluate better their present life quality comparison with their life quality before migrating. However, comparison with two years ago, their present life quality is not change, and even some factors of life quality become worse. These results add the picture of migrant workers' life quality in HoChiMinh City and suggest policy implications to solve migrant workers' present difficulties to improve their life quality.

Keywords: life quality, migrant worker, Industrial park, Hochiminh City.

1. GIỚI THIỆU

Trong những năm qua, với vai trò đầu tàu về phát triển công nghiệp và dịch vụ trên cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh luôn đi đầu trong việc đóng góp vào sự tăng trưởng chung của cả nước. Sự phát triển đó đã kéo theo một luồng di cư tự do

ồ ạt đổ về thành phố nhằm tìm kiếm các cơ hội làm việc thay đổi cuộc sống. Những người di cư này dù là lao động tự do hay làm việc trong các thành phần kinh tế đều có những đóng góp to lớn cho sự phát triển chung của thành phố. Thế nhưng để cải thiện thu nhập, bản thân họ trong quá trình

¹ Trưởng Khoa Đào tạo Sau đại học, Trường ĐH Mở TP.HCM.

² Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

di cư đã đánh đổi nhiều vấn đề như nhà ở, môi trường sống, sức khỏe, thời gian nghỉ ngơi,... làm cho chất lượng cuộc sống xấu đi ở nhiều mặt. Theo số liệu thống kê năm 2012, TP.HCM với tổng số dân hơn 7.75 triệu người kể cả dân nhập cư, đang đối mặt với sức ép rất lớn lên việc quy hoạch, tổ chức, sắp xếp của chính quyền địa phương trên nhiều mặt từ tạo công ăn việc làm, xây dựng nhà ở, giao thông đi lại, đến mạng lưới hạ tầng xã hội như trường học, bệnh viện. Như vậy, với tốc độ tăng trưởng cao và dân nhập cư càng nhiều đã và đang khiến thành phố ngày càng trở nên chật chội, bức bối, môi trường sống ô nhiễm trầm trọng. Đó là hiện trạng của TP.HCM trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, sự gia tăng giá cả liên tục từ năm 2008 do lạm phát càng làm cho đời sống lao động nói chung và lao động nhập cư nói riêng trở nên khó khăn hơn, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng cuộc sống tạo nên nhiều bức xúc trong xã hội.

Vì vậy nghiên cứu này với mong muốn đánh giá sự chuyển biến chất lượng cuộc sống của người lao động nhập cư làm việc tại các khu công nghiệp TP.HCM kể từ khi họ quyết định đến thành phố làm việc. Đồng thời nhận định các yếu tố đang tác động xấu đến chất lượng cuộc sống người lao động. Qua đó có các chính sách phát triển kinh tế, chính sách hỗ trợ lao động nhập cư của chính quyền. Đồng thời làm cơ sở để điều chỉnh chính sách quản lý nhằm tiếp tục hướng đến sự cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân nhập cư bởi họ chính là những người đã đóng góp công sức cho sự tăng trưởng của thành phố và cả nước. Đến nay, có một số nghiên cứu trước như: Nghiên cứu của Tổng Cục Thống kê và Quỹ dân số Liên Hiệp Quốc (2004) về Chất lượng cuộc sống của người di cư ở Việt Nam, nghiên cứu của Trần Hữu Quang (2009) về chất lượng cuộc sống của người dân đô thị tại TP.HCM, và nghiên cứu của Liên

đoàn lao động Hải Phòng (2003) về sự hòa nhập cuộc sống của lao động nữ nhập cư. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào về chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư làm việc tại các khu công nghiệp TP.HCM.

Các phần tiếp theo của bài viết này gồm: Phần 2 trình bày cơ sở lý thuyết; Phần tiếp theo trình bày phương pháp và mô hình nghiên cứu; Phần 4 trình bày kết quả nghiên cứu; và cuối cùng là kết luận và khuyến nghị.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Chất lượng cuộc sống là một khái niệm khá rộng được thảo luận và bàn cãi nhiều, hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng cuộc sống tùy thuộc vào trình độ phát triển, quan niệm văn hóa xã hội, truyền thống của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng. Theo Sharma (1998), chất lượng cuộc sống là sự cảm giác được hài lòng (hạnh phúc) hoặc (thỏa mãn) với những nhân tố của cuộc sống, mà những nhân tố đó được coi là quan trọng nhất đối với bản thân một con người. Chất lượng là sự cảm giác được hài lòng với những gì mà con người có được. Theo đó, mức sống của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội được coi là yếu tố quan trọng để tạo ra chất lượng cuộc sống. Theo William Bell (2001), chất lượng cuộc sống gắn với các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, sinh thái,... đặc trưng bởi 12 điểm: “(1) An toàn thể chất cá nhân; (2) Sung túc về kinh tế; (3) Công bằng trong khuôn khổ pháp luật; (4) An ninh quốc gia; (5) Bảo hiểm lúc già yếu và đau ốm; (6) Hạnh phúc tinh thần; (7) Sự tham gia vào đời sống xã hội; (8) Bình đẳng về giáo dục, nhà ở, nghỉ ngơi; (9) Chất lượng đời sống văn hóa; (10) Quyền tự do công dân; (11) Chất lượng môi trường kỹ thuật (giao thông vận tải, nhà ở, thiết bị sinh hoạt, thiết bị giáo dục, y tế); (12) Chất lượng môi trường sống và khả năng chống ô nhiễm”.

Khái niệm của tổ chức y tế thế giới (WHO: chất lượng cuộc sống được định nghĩa như một cảm nhận có tính cách chủ quan của cá nhân đặt trong bối cảnh môi trường xã hội và thiên nhiên, thể hiện ở mức độ sáng khoái của người dân trên sáu đề mục: về thể chất, ăn uống, ngủ nghỉ, cả việc lệ thuộc chuyện đi lại, thuốc men; về tâm thần thì gồm cả yếu tố tâm lý và yếu tố tâm linh (tín ngưỡng, tôn giáo), về xã hội gồm các mối quan hệ xã hội kể cả tình dục và môi trường sống (bao gồm cả môi trường xã hội: an toàn, an ninh, kinh tế, văn hóa,... và môi trường thiên nhiên) (trích theo Đỗ Hồng Ngọc, 2007).

Lê Văn Thành (2005) cho rằng chất lượng cuộc sống phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố dựa trên sự tổng hòa của mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống con người từ chính trị, kinh tế, xã hội đến môi trường hệ thống giao thông, chăm sóc sức khỏe, an ninh, giáo dục.

Tiêu chí đánh giá chất lượng cuộc sống: Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đưa ra một số tiêu chí của chất lượng cuộc sống là:

Mức độ sáng khoái về thể chất gồm: sức khỏe, tinh thần, ăn uống, ngủ nghỉ, đi lại, thuốc men (y tế, chăm sóc sức khỏe).

Mức độ sáng khoái về tâm thần: gồm yếu tố tâm lý, yếu tố tâm linh (tín ngưỡng, tôn giáo).

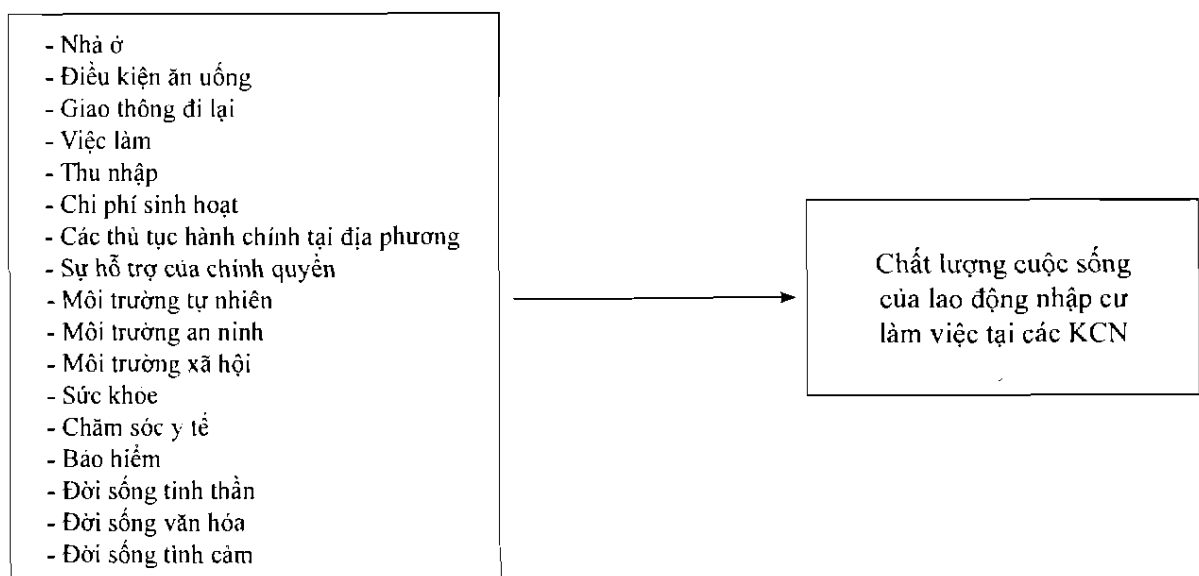
Mức độ sáng khoái về xã hội: các mối quan hệ xã hội (kể cả quan hệ tình dục), môi trường sống (bao gồm môi trường xã hội: an toàn, an ninh, kinh tế, văn hóa, chính trị và môi trường thiên nhiên).

Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đưa ra bảng chỉ số “Sáng kiến cuộc sống tốt hơn (better life initiative), là thước đo mới ngoài số liệu về tổng sản phẩm quốc nội GDP, hàng năm thực hiện so sánh 34 quốc gia thành viên của OECD dựa trên 11 chỉ tiêu, gồm có nhà cửa, thu nhập, việc làm, cộng đồng, giáo dục, môi trường, quản lý, y tế, mức độ hài lòng trong cuộc sống, độ an toàn, và sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống (trích từ Tạ Linh, 2011).

Mô hình nghiên cứu đề xuất:

Dựa vào phương pháp nghiên cứu của Trần Hữu Quang (2009) và Liên đoàn lao động Hải Phòng (2003), đồng thời kết hợp với nghiên cứu về chất lượng cuộc sống của Tổng Cục Thống kê và Quỹ dân số Liên Hiệp Quốc (2004), và nghiên cứu định tính và thảo luận nhóm, nghiên cứu này có mô hình nghiên cứu như sau:

Hình 1. Mô hình nghiên cứu



3. PHƯƠNG PHÁP VÀ DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

Xây dựng thang đo: Sử dụng thang đo Likert 5 bậc gồm: bậc 1 tương ứng với mức độ rất xấu và bậc 5 tương ứng với mức độ rất tốt. Bảng câu hỏi với nội dung đánh giá các vấn đề về chất lượng cuộc sống bản thân đặt trong 3 bối cảnh: đánh giá ngay thời điểm hiện tại, đánh giá so với lúc chưa đến TP.HCM, đánh giá so với 2 năm trước đây tại TP.HCM. Mục đích nhằm nhận định sự biến chuyển chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư theo thời gian kể từ lúc họ quyết định đến thành phố làm việc.

Các thang đo được mô tả chi tiết trong bảng 1. Ngoài ra nghiên cứu còn xem xét ảnh hưởng của các đặc điểm nhân chủng học (Giới tính, Độ tuổi, Trình độ học vấn, Nghề nghiệp, Quê quán, Số năm đã di cư tới địa phương, tình trạng kết hôn, thu nhập trung bình) đến mức độ đánh giá các nhân tố về chất lượng cuộc sống.

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng thống kê mô tả, so sánh và phân tích khám phá (EFA) để đánh giá chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư ở TP.HCM.

Mẫu nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là người lao động làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn TP.HCM trên 2 năm và ở nhà thuê. Đối tượng nghiên cứu sinh sống tại các vùng ven khu công nghiệp nên mẫu điều tra phải được phân bố đến hầu hết các khu công nghiệp tại TP.HCM. Cách thức thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp cá nhân tại nơi ở (nhà trọ) thông qua các phỏng vấn viên. Với 550 mẫu phát ra, số mẫu thu về và đạt yêu cầu sử dụng là 516 chiếm tỷ lệ 93%. Số mẫu không đạt yêu cầu là 34 mẫu chiếm tỷ lệ 7%. Mẫu điều tra được phân bố hầu hết các khu công nghiệp trên địa bàn TP.HCM. Tuy nhiên tại mỗi khu công nghiệp chọn mẫu theo kiểu thuận tiện.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thống kê mẫu nghiên cứu

Về giới tính của mẫu điều tra hợp lệ, tỷ lệ nam và nữ chênh lệch tương đối trong đó nam chiếm tỷ lệ 39% và nữ chiếm tỷ lệ 61%. Sự chênh lệch này là hợp lý vì số lượng công nhân nữ tại các khu công nghiệp nhiều hơn so với nam.

Về độ tuổi của mẫu khảo sát, đa số người lao động nằm trong độ tuổi từ 21 đến 30 tuổi với tỉ lệ 82%, nhóm từ 15 đến 20 tuổi chiếm tỉ lệ 6%, nhóm từ 31 đến 60 tuổi chiếm tỉ lệ 12%.

Về trình độ học vấn, đa số đối tượng khảo sát đạt trình độ cấp 3 chiếm 78%, trình độ cấp 2 chiếm 21% và một tỷ lệ nhỏ trình độ cấp 1 với tỉ lệ 1%. Như vậy đa số lao động có trình độ học vấn tương đối cao, tuy nhiên phần lớn trong đó lại chưa qua đào tạo các bậc cao hơn. Trong 516 mẫu khảo sát gần 16% là có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên. Còn phần lớn (84%) không có trình độ chuyên môn (dưới trung cấp). Như vậy đa số lao động có trình độ học vấn tương đối cao tuy nhiên lại chưa đào tạo qua các bậc chuyên môn.

Về mức thu nhập bình quân/tháng của người được phỏng vấn, 60% thu nhập từ 2.5-3 triệu đồng/tháng, 21% có thu nhập từ 3.1-5 triệu đồng/tháng. Kế tiếp là nhóm có mức thu nhập 1-2.5 triệu chiếm 16%. Trong khi đó người lao động có mức lương cao trên 5 triệu chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ 4%. Nhìn chung tỷ lệ có mức lương dưới 3 triệu đồng/tháng chiếm đến 76% đối tượng khảo sát, đây là mức thu nhập khó đảm bảo đời sống người lao động trong hoàn cảnh hiện nay khi mà mặt bằng giá cả tăng liên tục trong vài năm gần đây.

Về tình trạng hôn nhân của người được phỏng vấn, hơn 2/3 đối tượng khảo sát ở tình trạng độc thân chiếm 76%, phần còn lại là đã lập gia đình. Chỉ có một tỉ lệ rất nhỏ bằng nhau đang ở tình trạng ly thân và ly dị (chiếm 0.6%).

4.2. Kết quả thống kê mô tả các biến định lượng**Bảng 1. Thống kê mô tả các biến định lượng**

	Tên biến	Mẫu	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
	Nhà ở					
HOU1	Diện tích nhà ở/đầu người	516	2.49	.715	1	5
HOU2	Tình trạng nhà ở	516	2.75	.768	1	5
HOU3	Vật dụng sinh hoạt	516	2.91	.702	1	5
HOU4	Chi phí thuê nhà	516	2.42	.863	1	5
	Điều kiện ăn uống					
FOD1	Dinh dưỡng bữa ăn	516	3.09	.563	2	5
FOD2	Vệ sinh thực phẩm	516	3.08	.561	1	5
FOD3	Nơi mua thực phẩm	516	3.16	.538	2	5
FOD4	Nước sạch nấu ăn	516	3.02	.596	2	5
	Giao thông đi lại					
TRA1	Phương tiện cá nhân	516	2.91	.544	1	5
TRA2	Phương tiện công cộng	516	2.99	.473	1	4
TRA3	Trật tự giao thông	516	2.50	.573	1	4
TRA4	Tình trạng kẹt xe	516	2.44	.556	1	4
TRA5	Tai nạn giao thông	516	2.75	.614	1	4
TRA6	Hệ thống đường sá	516	3.02	.539	2	5
	Việc làm					
JOB1	Công việc phù hợp khả năng	516	3.17	.644	2	5
JOB2	Tính ổn định công việc	516	2.95	.719	1	5
JOB3	Điều kiện làm việc	516	3.14	.605	1	5
JOB4	Kỹ năng nghề nghiệp	516	3.43	.654	1	5
JOB5	Sự thăng tiến công việc	516	2.94	.591	1	5
	Thu nhập					
INC1	Thu nhập hàng tháng	516	3.05	.605	2	5
INC2	Tính ổn định thu nhập	516	2.72	.667	2	5

INC3	Tiết kiệm hàng tháng	516	2.51	.589	1	4
INC4	Khả năng giúp đỡ người thân về vật chất	516	2.66	.619	1	5
	Chi phí sinh hoạt					
EXP1	Mặt bằng giá cả	516	2.40	.587	1	4
EXP2	Khả năng trả các khoản thường xuyên	516	2.22	.523	1	3
EXP3	Khả năng trả các khoản bất thường	516	2.41	.530	1	3
EXP4	Tình trạng thu chi hàng tháng	516	2.22	.599	1	3
	Các thủ tục hành chính					
FOR1	Việc đăng ký hộ khẩu	516	3.00	.504	1	5
FOR2	Việc đăng ký trường học	516	3.03	.465	1	5
FOR3	Đăng ký mua bán tài sản,...	516	3.04	.418	2	5
FOR4	Việc đăng ký các thủ tục khác	516	3.11	.477	2	5
	Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương					
GOV1	Tư vấn thủ tục hành chính – pháp luật	516	2.89	.403	2	4
GOV2	Hỗ trợ thông tin việc làm	516	2.87	.396	2	4
GOV3	Những hỗ trợ khác từ chính quyền	516	2.85	.420	2	4
	Môi trường tự nhiên					
NAT1	Môi trường tự nhiên xung quanh	516	2.59	.583	1	5
NAT2	Tình hình ô nhiễm xung quanh	516	2.55	.560	1	4
NAT3	Tình hình vệ sinh/ thu gom rác	516	2.94	.500	1	5
NAT4	Cảnh quan xung quanh nơi ở	516	2.92	.478	1	5
	Môi trường an ninh					
PUB1	An ninh trật tự nơi ở	516	2.60	.683	1	5
PUB2	Các tệ nạn xã hội nơi ở	516	2.71	.629	1	5
PUB3	Nếp sống xung quanh nơi ở	516	2.85	.507	1	5
PUB4	Khả năng đảm bảo an ninh của địa phương	516	2.93	.595	1	5

	Môi trường xã hội					
SOC1	Tham gia các hoạt động xã hội	516	3.00	.353	2	4
SOC2	Quan hệ với người dân địa phương	516	2.96	.481	2	5
SOC3	Sự hỗ trợ của người dân địa phương	516	2.87	.454	2	5
SOC4	Mối quan hệ thân thuộc trong mạng lưới di cư	516	2.93	.403	2	4
	Sức khỏe					
HEA1	Tình trạng sức khỏe nói chung	516	2.96	.246	2	4
HEA2	Tình trạng thể chất	516	2.96	.202	2	3
HEA3	Tình trạng tâm lý	516	2.91	.280	2	3
	Chăm sóc y tế					
MED1	Việc tiếp cận các dịch vụ y tế	516	3.13	.456	2	4
MED2	Chất lượng dịch vụ y tế	516	3.17	.450	2	4
MED3	Khả năng thanh toán các dịch vụ y tế	516	2.98	.368	2	4
MED4	Kiến thức chăm sóc sức khỏe	516	3.14	.420	2	4
MED5	Kiến thức về tránh thai, phòng HIV-AIDS	516	3.10	.407	2	5
	Bảo hiểm y tế					
INS1	Đăng ký mua bảo hiểm y tế	516	3.05	.368	2	5
INS2	Khả năng chi trả cho việc mua các bảo hiểm	516	3.04	.312	2	5
INS3	Hiệu quả sử dụng bảo hiểm	516	3.07	.339	2	5
	Đời sống tinh thần					
SPI1	Hạnh phúc tinh thần	516	3.03	.572	1	5
SPI2	Sự cân bằng công việc và cuộc sống	516	2.73	.555	1	5
SPI3	Việc sắp xếp thời gian nghỉ ngơi	516	2.60	.629	1	5
SPI4	Thích nghi với nơi ở mới	516	3.16	.553	2	5
SPI5	Niềm tin vào cuộc sống	516	3.26	.574	2	5

	Đời sống văn hóa					
CUL1	Các phương tiện giải trí tại nhà	516	2.98	.196	2	4
CUL2	Các phương tiện giải trí bên ngoài	516	2.96	.221	2	4
CUL3	Cập nhật thông tin về chính trị, văn hóa, xã hội,...	516	2.96	.225	2	4
	Đời sống tình cảm					
REL1	Mối quan hệ giữa các thành viên gia đình	516	3.09	.493	2	5
REL2	Mối quan hệ hàng xóm	516	3.03	.485	1	5
REL3	Các quan hệ tình cảm riêng tư	516	3.06	.527	2	5
REL4	Cơ hội phát triển tình cảm riêng tư	516	3.04	.634	2	5
QUA	Đánh giá chung về chất lượng cuộc sống	516	3.17	.663	1	5

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm đo lường mức độ biến thiên của các câu trả lời từ (1) Rất xấu - đến (5) Rất tốt. Với 72 biến được phân tích, có thể tổng hợp giá trị trung bình của các biến định lượng thành các nhóm như sau (xem bảng 1).

- Nhóm có giá trị trung bình từ 2- 2.8 điểm, có 20 biến, gồm các yếu tố được đánh giá có sự chuyển biến tương đối xấu. Trong đó giá trị trung bình nhỏ nhất 2.2 điểm (gồm 2 biến – Khả năng chi trả các khoản chi thường xuyên hàng tháng và biến Tình trạng thu chi hàng tháng). Điều này phản ánh tình trạng thu nhập thực tế đang thấp đi chưa đảm bảo được đời sống của người lao động.

- Nhóm có giá trị trung bình từ 2.9 - 3.1 điểm, có 46 biến gồm các yếu tố được đánh giá là không có thay đổi gì tại thời điểm hiện tại.

- Nhóm có giá trị trung bình từ 3.2- 4 điểm, có 6 biến gồm các yếu tố được đánh giá chuyển biến tương đối tích cực tại thời điểm hiện tại gồm: sự thuận tiện của việc

mua thực phẩm, công việc ổn định, kỹ năng nghề nghiệp, chất lượng dịch vụ y tế; thích nghi với nơi ở mới và niềm tin vào cuộc sống. Đây là nhóm yếu tố được mong đợi nhất trong khảo sát bởi vì nhóm này càng nhiều thì cuộc sống người lao động càng được cải thiện. Nhưng rất ít các yếu tố được cải thiện tốt hơn chứng tỏ cuộc sống người lao động đang còn rất nhiều khó khăn.

4.3. Đánh giá chất lượng cuộc sống so với nơi cũ và so với trước đây

Trong bảng 2, so với lúc chưa tới TP.HCM có gần 45% người lao động cho rằng chất lượng cuộc sống không có gì thay đổi so với nơi cũ, nhưng có gần 43% cho rằng chất lượng cuộc sống đã tốt hơn so với trước, trong khi đó chỉ có 12.8% cho rằng xấu đi. Trong hai năm trở lại đây 64% đánh giá không có gì cải thiện hơn, chỉ có 19% nhận định tốt hơn, 16.7% đánh giá xấu hơn. Nhìn chung sau khi chuyển đến thành phố người lao động đánh giá chất lượng cuộc sống của mình có biến đổi tốt

hơn song tình hình không cải thiện nhiều trong hai năm gần đây.

Để có cái nhìn sâu sắc hơn về vấn đề này nghiên cứu đã đồng thời đặt thêm tất cả các biến quan sát trong hai điều kiện so sánh: 1- So với lúc còn ở quê cũ; 2- So với 2 năm trước đây nhưng cùng ở TP.HCM. Qua đó có thể nhận định về sự chuyển biến chất lượng cuộc sống của người lao động nhập cư theo thời gian.

Đánh giá sự thay đổi các vấn đề của cuộc sống so với nơi cũ

- Những yếu tố được đánh giá là xấu hơn so với quê cũ gồm: nhà ở, giao thông đi lại, chi phí sinh hoạt, môi trường tự nhiên, môi trường an ninh, đời sống văn hóa, đời sống tinh cảm.

- Những yếu tố được đánh giá tương đối tốt so với quê cũ: điều kiện ăn uống, việc làm, thu nhập, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm.

- Những yếu tố được đánh giá hầu như không thay đổi so với quê cũ: thủ tục hành chính, môi trường xã hội, sức khỏe bản thân, đời sống tinh thần.

Như vậy một khi quyết định đến thành phố làm việc người lao động cảm thấy một số vấn đề của cuộc sống trở nên tốt hơn so với quê cũ như việc làm, thu nhập, điều kiện ăn uống, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm. Tuy nhiên bản thân họ phải có sự đánh đổi, một số vấn đề họ cảm thấy xấu hơn đó là nhà ở, giao thông đi lại, chi phí sinh hoạt, môi trường tự nhiên, môi trường an ninh, đời sống văn hóa, đời sống tinh cảm.

Đánh giá sự thay đổi các vấn đề của cuộc sống trong 2 năm trở lại đây tại TP.HCM

- Những yếu tố được đánh giá xấu hơn: nhà ở, giao thông đi lại, chi phí sinh hoạt, môi trường tự nhiên, môi trường an ninh.

- Những yếu tố được đánh giá tốt hơn: việc làm, chăm sóc sức khỏe, đời sống văn hóa.

- Những yếu tố được đánh giá không có gì thay đổi: điều kiện ăn uống, thu nhập, các thủ tục hành chính, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, môi trường xã hội, sức khỏe bản thân, bảo hiểm, đời sống tinh thần, đời sống tinh cảm.

Trong hai năm trở lại đây phần lớn các vấn đề trong cuộc sống họ không thay đổi nhiều, ngoại trừ việc làm, chăm sóc sức khỏe, đời sống văn hóa có chuyển biến theo hướng tốt nhưng không nhiều (3.3/5 điểm). Trong khi đó có 5 vấn đề họ cho rằng tiếp tục chuyển biến xấu hơn (2.47-2.81/5 điểm) đó là nhà ở, giao thông đi lại, chi phí sinh hoạt, môi trường tự nhiên, môi trường an ninh. Như vậy trong hai năm qua cuộc sống họ hầu như không có sự cải thiện, thậm chí một số vấn đề trở nên xấu hơn. Đó là tín hiệu không tốt bởi nó cho thấy chất lượng cuộc sống của người lao động nhập cư trong hai năm qua không được cải thiện tốt hơn mà có dấu hiệu xấu hơn. Đây là thực trạng đáng lo ngại trong bối cảnh kinh tế suy thoái, lạm phát tăng cao vài năm trở lại đây, đòi hỏi cần có sự quan tâm và các biện pháp hỗ trợ từ phía chính quyền thành phố để giảm bớt khó khăn cho người lao động nhập cư.

Bảng 2. Tổng hợp giá trị trung bình của các yếu tố đặt trong các bối cảnh khác nhau

STT	CÁC TIÊU CHÍ	So với quê cũ	So với 2 năm trước	Đánh giá hiện tại
1	Nhà ở	2.62	2.81	2.73
2	Điều kiện ăn uống	3.24	3.02	3.09
3	Giao thông đi lại	2.75	2.86	2.77
4	Việc làm	3.13	3.22	3.12
5	Thu nhập	3.04	2.95	2.74
6	Chi phí sinh hoạt	2.57	2.47	2.31
7	Các thủ tục hành chính	3.04	3.05	3.05
8	Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương	3.10	3.06	2.87
9	Môi trường tự nhiên	2.58	2.75	2.75
10	Môi trường an ninh	2.59	2.90	2.77
11	Môi trường xã hội	3.05	3.09	2.94
12	Sức khỏe bản thân	3.02	3.07	2.94
13	Chăm sóc sức khỏe	3.27	3.25	3.11
14	Bảo hiểm	3.13	3.10	3.06
15	Đời sống tinh thần	2.95	3.06	2.97
16	Đời sống văn hóa	2.96	3.31	2.97
17	Đời sống tình cảm	2.71	3.18	3.06
	<i>Đánh giá chung về chất lượng cuộc sống</i>	3.33	3.07	3.16

4.4. Kết quả kiểm định Cronbach Alfa để xác định các biến tác động đến chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư

Kỹ thuật Cronbach Alfa dùng để kiểm định độ tương quan giữa các biến quan sát trong thang đo. Phần này trình bày kết quả Cronbach Alfa của các thang đo của các biến độc lập và thang đo của biến phụ thuộc về chất lượng cuộc sống. Kết quả kiểm định Cronbach Alfa cho thấy với 72 biến độc lập ban đầu, sau khi kiểm

định Cronbach Alfa đã loại ra 3 biến do không đáp ứng được điều kiện, số biến quan sát còn lại 69 biến.

Kết quả kiểm định các thang đo bằng hệ số Cronbach Alfa của từng nhân tố như sau: Nhân tố về điều kiện nhà ở là 0.641; Nhân tố về điều kiện ăn uống là 0.676; Nhân tố về giao thông đi lại là 0.711; Nhân tố về việc làm là 0.623; Nhân tố về thu nhập là 0.663; Nhân tố về chi tiêu là 0.692; Nhân tố về thủ tục hành chính là 0.652; Nhân tố về sự hỗ trợ của chính quyền là

0.884; Nhân tố về môi trường tự nhiên là 0.668; Nhân tố về môi trường an ninh là 0.682; Nhân tố về môi trường xã hội là 0.636; Nhân tố về sức khỏe là 0.672; Nhân tố về chăm sóc y tế là 0.654; Nhân tố về bảo hiểm là 0.732; Nhân tố về đời sống tinh thần là 0.713; Nhân tố về đời sống văn hóa là 0.797; Nhân tố về đời sống tình cảm là 0.669.

Như vậy từ 72 biến quan sát ban đầu còn 69 biến sau khi qua kiểm định Cronbach Alfa. Có 3 biến bị loại nhằm làm cho hệ số Cronbach Alfa tăng lên, đó là: HOU4 - Tình trạng điện nước; SOC1 - tiếp cận các dịch vụ xã hội; SPI6 - giữ gìn những giá trị truyền thống.

4.5. Kết quả phân tích khám phá tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư

Kết quả phân tích EFA cho thấy với 69 biến độc lập đưa vào phân tích chỉ còn 55 biến độc lập được giữ lại, 14 biến độc lập bị loại do không bảo đảm tiêu chuẩn hệ số tải nhân tố (Factor loadings) > 0.45 , bao gồm các biến: HOU1, HOU5, JOB4, JOB5, FOR2, FOR3, FOR4, SOC2, SOC5, MED2, MED4, MED5, SPI2, REL2 (xem biến trong bảng 1). Như vậy, kết quả phân tích EFA đã rút gọn 69 biến quan sát độc lập thành 12 nhân tố mới. Kết quả của bảng KMO and Bartlett's Test cho thấy chỉ số $0,5 \leq KMO = 0.751 \leq 1$, có thể kết luận phân tích nhân tố là thích hợp. Đồng thời kết quả của bảng KMO and Bartlett's Test cũng cho thấy kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê với $Sig. = 0.000 < 0.05$, có thể kết luận các biến quan sát có tương quan trong tổng thể. Kết quả của bảng Total Variance Explained cho thấy phương sai trích (Cumulative % of variance) $= 50.594\% > 50\%$, như vậy gần 51% biến thiên của các biến quan sát được giải thích bởi 12 nhân tố được rút ra.

Từ kết quả thống kê của các nhân tố rút trích EFA, ta thấy 12 nhân tố (trong đó có các biến) đạt yêu cầu và ảnh hưởng đến

chất lượng cuộc sống của lao động nhập cư làm việc tại TP.HCM như sau:

- *Yếu tố về đời sống tình cảm – tinh thần* gồm các khía cạnh: Hạnh phúc tinh thần, sự cân bằng công việc – cuộc sống, thích nghi với nơi ở mới, niềm tin vào cuộc sống, mối quan hệ giữa các thành viên trong nhà, quan hệ tình cảm riêng tư, và cơ hội phát triển các mối quan hệ riêng tư.
- *Yếu tố về môi trường tự nhiên và xã hội*, gồm: Môi trường xung quanh nơi ở, tình hình vệ sinh/thu gom vệ sinh, tình hình ô nhiễm, cảnh quan xung quanh nơi ở, mối quan hệ của người dân địa phương, sự giúp đỡ của người dân địa phương.
- *Yếu tố về bảo hiểm và chăm sóc y tế*, gồm các biến như: Tiếp cận các dịch vụ y tế, khả năng thanh toán chi phí y tế, thủ tục đăng ký mua bảo hiểm y tế, khả năng thanh toán cho việc mua BHYT, hiệu quả sử dụng BHYT khám chữa bệnh.
- *Yếu tố về những hỗ trợ của chính quyền địa phương*, gồm: Đăng ký hộ khẩu, tư vấn thủ tục hành chính – pháp luật, hỗ trợ thông tin về việc làm, chỗ ở, những hỗ trợ khác.
- *Yếu tố về điều kiện nhà ở - công việc*, gồm các biến như: Tính kiên cố nhà ở, vật dụng sinh hoạt trong nhà, công việc phù hợp, tính ổn định công việc, điều kiện làm việc.
- *Yếu tố về điều kiện giao thông đi lại*, gồm các khía cạnh như trang bị phương tiện cá nhân, sử dụng phương tiện công cộng, trật tự giao thông, tình trạng kẹt xe, tai nạn giao thông, và hệ thống đường sá.
- *Yếu tố về môi trường an ninh*, gồm: Tình hình an ninh trật tự, các tệ nạn xã hội, nếp sống của người dân xung quanh, và khả năng đảm bảo an ninh của chính quyền địa phương.

- *Yếu tố về chi phí sinh hoạt*, gồm: Mặt bằng giá cả nơi ở, khả năng chi trả các khoản chi thường xuyên, khả năng chi trả các khoản chi đột xuất, và tình trạng thu chi hàng tháng.
- *Yếu tố về thu nhập*, gồm các biến như: Thu nhập hàng tháng, tính ổn định của thu nhập, mức tiết kiệm, và khả năng giúp đỡ người thân về vật chất.
- *Yếu tố về đời sống văn hóa*, gồm: Phương tiện giải trí tại nhà (tivi, báo đài, internet,...), sử dụng các phương tiện giải trí bên ngoài (xem phim, ca nhạc, kịch,...), và cập nhật tin tức về chính trị, văn hóa, xã hội....
- *Yếu tố về điều kiện ăn uống*, gồm: Chất lượng dinh dưỡng bữa ăn, vệ sinh thực phẩm, nơi mua thực phẩm, và nước sạch cho nấu ăn, sinh hoạt.
- *Yếu tố về sức khỏe*, gồm: Tình trạng sức khỏe nói chung, tình trạng thể chất, và tình trạng tâm lý.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy có 7 nhân tố có giá trị trung bình từ 2.9 – 3.1 điểm. Còn lại 5 nhân tố có giá trị trung bình từ 2.2 – 2.8 điểm. Điều này cho thấy nhiều vấn đề của cuộc sống không được cải thiện tốt hơn mà còn có một số vấn đề trở nên xấu hơn. Nói cách khác người lao động đánh giá chất lượng cuộc sống của mình đang trở nên xấu đi. Các yếu tố được đánh giá xấu đi đó là: chi phí sinh hoạt, điều kiện giao thông đi lại, môi trường an ninh, môi trường tự nhiên – xã hội và thu nhập.

Trong nhóm này nhân tố chi phí sinh hoạt được đánh giá thấp nhất (2.3 điểm), điều này phù hợp với thực tế khi tình hình lạm phát tăng nhanh trong những năm gần đây làm cho thu nhập thực tế giảm, mức giá sinh hoạt leo thang làm cho đời sống người lao động gặp nhiều khó khăn đặc biệt là những người có thu nhập thấp.

Nhân tố thu nhập cũng được đánh giá có xu hướng tương đối xấu đi (2.73 điểm).

Nguyên nhân có thể do chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến các doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ hoặc cầm chừng kéo theo thu nhập của người lao động không thể khá hơn được.

Các nhân tố như môi trường tự nhiên – xã hội, môi trường an ninh, điều kiện giao thông đi lại cũng được đánh giá tương đối xấu đi (2.77 điểm) cho thấy chính quyền thành phố chưa thật sự giải quyết hiệu quả các vấn đề về giao thông, an ninh trật tự, môi trường tự nhiên.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Nghiên cứu này phân tích dựa vào kết quả điều tra trực tiếp của 516 lao động nhập cư đang làm việc ở các khu công nghiệp tại TP.HCM. Dù đây là cảm nhận chủ quan từ phía người lao động nhưng nó cho thấy sự không hài lòng của họ đối với chất lượng cuộc sống bản thân. Nhiều vấn đề trong cuộc sống không có sự cải thiện tốt hơn, thậm chí một số vấn đề đã trở nên xấu đi trong vài năm qua. Trước tình hình kinh tế suy thoái hiện nay không chỉ lao động nhập cư mà hầu như tất cả người lao động đều gặp khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên do đặc thù là lao động nhập cư nên họ càng dễ bị tổn thương hơn so với người bản xứ ở nhiều phương diện như nhà ở, thủ tục hành chính, an ninh, sự kỳ thị, đời sống văn hóa tinh thần,... làm cho cuộc mưu sinh khó khăn lại chất chồng khó khăn. Do đó cần phải có giải pháp căn cơ về lâu dài và các giải pháp tức thì để hỗ trợ người lao động nhập cư vượt qua khó khăn hiện nay, giúp họ hòa nhập tốt vào cuộc sống đô thị.

5.2. Một số khuyến nghị

Nghiên cứu chỉ đưa ra khuyến nghị đối với một số vấn đề riêng của lao động nhập cư đang làm việc tại các khu công nghiệp TP.HCM.

- Nhà ở là vấn đề người lao động quan tâm nhiều trong cuộc khảo sát, cụ thể họ lo lắng về chi phí thuê nhà tăng nhanh, chất lượng nhà ở và không gian quá chật hẹp. Vì vậy phía chính quyền cần đẩy nhanh thực hiện các dự án nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp dựa trên quỹ đất dành cho nhà ở. Trong quá trình khảo sát cho thấy một số doanh nghiệp bên trong khu công nghiệp đã xây nhà ở cho công nhân thuê với giá thấp, chất lượng tốt. Đây là mô hình rất tốt, phía Nhà nước cần có biện pháp khuyến khích nhân rộng thông qua thuế, lãi suất,... để hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho công nhân mua hoặc thuê.

- Một thực trạng khác đối với lao động nhập cư là đời sống văn hóa nghèo nàn, thiếu thời gian giải trí, thiếu phương tiện, thiếu sân chơi, thiếu cơ hội gặp gỡ giao lưu để phát triển các mối quan hệ tình cảm. Vì vậy chính quyền TP cần xây dựng thêm nhiều sân chơi (văn hóa, vui chơi, các hoạt động cộng đồng, các hoạt động xã hội,...) cho người lao động song song với xây dựng nhà ở. Các chương trình văn

nghệ, các phiên chợ, hội chợ tiêu dùng giảm giá cho người lao động cần được tổ chức sâu rộng và thường xuyên hơn nữa.

- Cần chú ý cải thiện môi trường xã hội và an ninh, đặc biệt ở các vùng có lao động nhập cư nhiều vì sự biến động nhân khẩu và lao động ít bị quản lý hành chính, do đó dễ xảy ra tình trạng không an ninh do kẻ xấu lợi dụng.

- Cần tăng cường sự hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với lao động nhập cư như các thủ tục hành chính, tư vấn pháp luật, tư vấn y tế cộng đồng, các thông tin việc làm,... để giúp lao động nhập cư hòa nhập với địa phương. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng giúp ổn định môi trường xã hội và an toàn tại địa phương.

- Các vấn đề khác như chi phí sinh hoạt cao, giao thông đi lại khó khăn, môi trường tự nhiên ô nhiễm,... đều nằm trong những vấn đề chung của người dân TP.HCM. Phía chính quyền thành phố đã có nhiều giải pháp và đang từng bước thực hiện, hy vọng sẽ đem lại hiệu quả thiết thực trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hồng Ngọc (2007) “Đi tìm chất lượng cuộc sống”, *Tạp chí Dân số và Phát triển*, số 6/2003.
2. Lê Văn Thành (2008), “Đô thị hóa và vấn đề dân nhập cư tại TP.HCM”, *Viện Nghiên cứu phát triển TP.HCM*.
3. Liên đoàn lao động Hải phòng (2003), “Ảnh hưởng của môi trường kinh tế - xã hội đến lao động nhập cư”, *Báo Lao động* số 258 Ngày 14.09.2004.
4. OECD, “Quality of life”. Có thể download từ <http://www.oecdbetterlifeindex.org/#/>.
5. Tạ Linh (2011), “11 quốc gia có chất lượng cuộc sống cao nhất thế giới” báo điện tử Vnexpress.net ngày 16/06/2011.
6. Tổng Cục thống kê - Quỹ dân số liên hiệp quốc (2006), Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: “Chất lượng cuộc sống của người di cư Việt Nam”; “Di dân và sức khỏe” và “Di cư trong nước và mối liên hệ với các sự kiện của cuộc sống”.
7. Trần Hữu Quang (2009), “Cư dân đô thị và không gian đô thị trong tiến trình đô thị hóa ở TP.HCM”, *Viện nghiên cứu và Phát triển TP.HCM*.

(Ngày nhận bài: 06/12/2012; Ngày chấp nhận đăng: 19/02/2013).